

# CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 18 tháng 05 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	275	5,500,000
Được chi trong ngày					5,500,000
Đã chi trong ngày					5,500,000
<b>1. Dịch vụ</b>					<b>412,500</b>
1	chất đốt		1,500	275	412,500
<b>2. Kho</b>					<b>1,204,400</b>
<b>    Ăn chính</b>					<b>1,204,400</b>
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	20.4	316,200
2	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.4	29,600
3	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
4	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.4	24,800
5	Dầu simply	Lít	68,000	5.1	346,800
6	Đậu đen	Kg	69,000	4	276,000
7	Đường kính	Kg	32,500	6	195,000
<b>3. Đi chợ</b>					<b>3,883,100</b>
<b>    Ăn chính</b>					<b>3,883,100</b>
1	Đậu xanh	Kg	50,000	1	50,000
2	Cà chua	Kg	25,000	3	75,000
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	3	75,000
4	Giá đậu xanh	Kg	18,000	10	180,000
5	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.3	10,500
6	Rau mùi tàu	Kg	1,000	0.05	50
7	Rau mồng tơi	Kg	20,000	6.1	122,000
8	Thịt bò loại I	Kg	240,000	8.6	2,064,000
9	Thịt gà ta	Kg	130,000	2.8	364,000
10	Tôm biển	Kg	170,000	2	340,000
11	Đậu Phụ	Kg	25,000	11	275,000
12	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
13	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	2	260,000
14	Gia vị bò kho sốt vang	Gói	7,000	4	28,000
15	Gừng tươi	Kg	40,000	0.1	4,000
16	Lá chanh	Kg	1,000	0.55	550
<b>Chênh lệch cuối ngày</b>					

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

